

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 42

517

NG
TNH
DÂN
VIỆ

CPH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hà	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/02/2022)
Ông Nghiêm Sỹ Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/02/2022)
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/02/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Số: 721/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 06 năm 2022 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1



Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		629.847.702.232	577.642.035.547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.406.004.780	29.948.069.764
1. Tiền	111		5.406.004.780	29.948.069.764
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		203.204.100	1.103.204.100
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		203.204.100	1.103.204.100
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		490.545.431.555	480.456.813.981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	386.873.865.975	371.020.565.805
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	40.700.357.689	42.413.467.858
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.561.518.060	3.945.080.578
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	57.409.689.831	65.585.162.376
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.507.462.636)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	132.814.917.019	64.654.268.891
1. Hàng tồn kho	141		132.822.354.817	64.661.706.689
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(7.437.798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		878.144.778	1.479.678.811
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.987.450	320.723.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	45.238.114
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	687.157.328	1.113.717.606
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.011.578.986	132.519.894.981
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.665.098.712	21.115.005.465
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	19.155.005.465	19.155.005.465
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		980.000.000	1.960.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	4.530.093.247	-
II. Tài sản cố định	220		54.588.553.732	70.140.569.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	33.048.904.434	51.057.443.189
Nguyên giá	222		102.340.802.230	118.052.271.361
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.291.897.796)	(66.994.828.172)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	18.382.051.658	15.363.790.356
Nguyên giá	225		27.921.411.667	25.723.433.713
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.539.360.009)	(10.359.643.357)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.157.597.640	3.719.335.649
Nguyên giá	228		5.375.623.195	5.304.791.984
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.218.025.555)	(1.585.456.335)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.570.894.289	4.093.014.484
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	15.570.894.289	4.093.014.484
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	25.222.047.208	27.263.013.131
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.000.000.000	26.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.866.393.955	14.195.813.955
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.100.000.000	900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.744.346.747)	(13.932.800.824)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.964.985.045	9.908.292.707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	8.964.985.045	9.908.292.707
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		758.859.281.218	710.161.930.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		630.321.032.032	579.239.374.444
I. Nợ ngắn hạn	310		576.396.918.929	559.104.639.708
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	148.660.092.802	123.885.205.234
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	13.037.670.327	53.369.853.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	1.311.814.643	4.966.605.018
4. Phải trả người lao động	314	4.16	710.907.000	1.759.635.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	14.292.365.693	6.645.920.833
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.885.401.488	3.608.891.762
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	4.345.484.995	6.844.275.171
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	381.153.181.981	358.024.252.487
II. Nợ dài hạn	330		53.924.113.103	20.134.734.736
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	50.606.885.096	17.311.104.752
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		40.085.821	6.731.509
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	4.20	3.277.142.186	2.816.898.475
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.538.249.186	130.922.556.084
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21.1	128.538.249.186	130.922.556.084
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.21.2	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.21.5	-	840.139.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.538.249.186	15.082.416.314
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.922.556.084	759.540.846
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.615.693.102	14.322.875.468
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		758.859.281.218	710.161.930.528



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Khưu Kim Huê
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	821.604.857.779	1.142.269.720.044
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		821.604.857.779	1.142.269.720.044
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	729.361.685.757	1.041.498.226.046
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.243.172.022	100.771.493.998
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.313.651.539	6.637.520.941
6. Chi phí tài chính	22	5.3	23.971.684.576	31.959.554.695
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		22.868.057.199	23.659.749.008
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	11.177.402.698	14.001.165.164
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	52.389.203.099	57.095.642.550
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.018.533.188	4.352.652.530
10. Thu nhập khác	31		10.838.441.286	13.048.554.358
11. Chi phí khác	32		6.383.636.895	1.975.381.201
12. Lợi nhuận khác	40		4.454.804.391	11.073.173.157
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.473.337.579	15.425.825.687
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	824.290.165	1.082.430.671
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		33.354.312	20.519.548
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.615.693.102	14.322.875.468



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Khưu Kim Huệ
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.473.337.579	15.425.825.687
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	25.699.976.777	28.344.159.722
Các khoản dự phòng	03		-	7.636.720.157
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(227.905.094)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.329.650.277)	(4.865.439.535)
Chi phí lãi vay	06	5.3	22.868.057.199	23.659.749.008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		59.483.816.183	70.201.015.039
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.199.076.732)	(69.350.701.588)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.160.648.128)	57.379.285.111
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.622.654.832)	(71.250.727.373)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.073.043.303	1.199.065.272
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.868.057.199)	(23.659.749.008)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(1.708.868.743)	(273.591.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(50.002.446.148)	(35.755.403.997)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.853.264.959)	(16.338.782.656)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.978.982.558	7.628.914.298
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.986.518.060)	(1.303.204.100)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.230.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(670.580.000)	(150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		900.000.000	7.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.174.819.123	8.166.484.286
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.226.561.338)	5.503.411.828

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	785.378.642.343	947.965.593.309
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(731.363.383.326)	(887.839.920.541)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(12.332.380.713)	(10.253.516.626)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.887.246.375)	(11.174.099.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.795.631.929	38.698.056.967
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(24.433.375.557)	8.446.064.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.948.069.764	21.502.004.966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(108.689.427)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	5.406.004.780	29.948.069.764



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Khưu Kim Huệ
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/04/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	16,42	18.878.930.000	16,42
Cổ đông khác	Việt Nam	96.121.070.000	83,58	96.121.070.000	83,58
Cộng		115.000.000.000	100,00	115.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 148 (31/03/2021: 119).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý kỹ gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

phép lưu hành (không mua bán bằng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty có các công ty con, liên kết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%	60%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%	60%
3.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%	90%
STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:					
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ QI	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,43%	33,43%	33,43%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%	46,56%
3.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%	22,27%
4.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	27,03%	27,03%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2022 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mễ Trì - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam
2.	Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
3.	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu	27/14B Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.6. Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong niên độ trước, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam cũng như toàn thế giới và gây nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh truyền thống, nhiều doanh nghiệp đã dần tiến hành việc chuyển đổi số, nhu cầu về sử dụng công nghệ thông tin gia tăng. Tuy nhiên, các nhu cầu này đã ổn định và giảm đi trong năm nay. Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh năm nay của Công ty đã phát triển chậm lại, doanh thu và giá vốn của Công ty giảm tương ứng khoảng 28% và 30% so với năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 – 40 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 3 – 5 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trí - Phường Mỹ Trí - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 10%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.20. Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Công ty được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Công ty lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Thuế (Tiếp theo)*****Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Tiền mặt	85.858.997	92.294.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.320.145.783	29.855.775.385
Cộng	5.406.004.780	29.948.069.764

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2022			Tại ngày 01/04/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	9.000.000.000		-	9.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	6.000.000.000		-	6.100.000.000		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	6.000.000.000		(6.000.000.000)	6.000.000.000		(6.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	-		-	5.000.000.000		(3.188.454.077)
Cộng	21.000.000.000		(6.000.000.000)	26.100.000.000		(9.188.454.077)

Tại ngày 23/03/2022, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để chính thức giải thể hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã ghi giảm toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu và ghi nhận khoản lỗ từ thanh lý khoản đầu tư là 260.896.030 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm – Xem thêm mục 5.3.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Đầu tư vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2022			Tại ngày 01/04/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	6.631.393.955		-	5.960.813.955		-
Công ty Cổ Phần Công nghệ Mideas	2.400.000.000		(2.400.000.000)	2.400.000.000		(2.400.000.000)
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000		(1.960.000.000)	1.960.000.000		(1.960.000.000)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.875.000.000		(188.726.053)	1.875.000.000		(188.726.053)
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	-		-	2.000.000.000		(195.620.694)
Cộng	12.866.393.955		(4.548.726.053)	14.195.813.955		(4.744.346.747)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	1.200.000.000		(195.620.694)	-		-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	900.000.000		-	900.000.000		-
Cộng	2.100.000.000		(195.620.694)	900.000.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	87.307.551.517	57.780.372.928
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	63.324.714.138	63.586.665.138
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	38.282.499.707	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast	21.817.285.700	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	15.658.878.238	15.658.878.238
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	1.508.596.980	47.131.643.410
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	-	23.291.622.800
Các khách hàng khác	158.974.339.695	163.571.383.291
Cộng	<u>386.873.865.975</u>	<u>371.020.565.805</u>

Tại ngày 31/03/2022, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao giai đoạn 1. Hiện nay, dự án đang được bắt đầu triển khai tiếp tục cho giai đoạn 2. Khoản phải thu này dự kiến sẽ được khách hàng thanh toán sau khi hoàn tất tổng thể toàn bộ dự án.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7:	650.000.000	655.390.000
Trả trước cho người bán:		
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	31.639.071.785	14.116.575.214
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	-	12.808.830.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Global	-	8.419.650.000
Các nhà cung cấp khác	8.411.285.904	6.413.022.644
Cộng	<u>40.700.357.689</u>	<u>42.413.467.858</u>

Tại ngày 31/03/2022, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp ngắn hạn.

4.6. Phải thu khác

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Tại ngày 01/04/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký quỹ bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	51.318.673.019	-	51.318.673.019	-
Ký cược, ký quỹ khác	5.295.792.929	-	13.262.350.975	-
Phải thu về tạm ứng	774.524.055	-	397.687.439	-
Phải thu về cổ tức được chia	-	-	594.000.000	-
Phải thu khác	20.699.828	-	12.450.943	-
Cộng	<u>57.409.689.831</u>	<u>-</u>	<u>65.585.162.376</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ khác	4.530.093.247	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Tại ngày 01/04/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	6.295.250.553	-	1.561.539.709	-
Hàng tại kho Công ty	6.938.305.317	(7.437.798)	1.662.762.199	(7.437.798)
Hàng tại kho triển khai	81.346.437.257	-	38.181.613.070	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	20.800.861.038	-	9.991.244.417	-
Hàng hóa bất động sản	1.862.858.455	-	1.862.858.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.524.249.022	-	11.347.295.664	-
Cộng	132.822.354.817	(7.437.798)	64.661.706.689	(7.437.798)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/04/2021	34.345.180.908	80.779.356.343	2.927.734.110	118.052.271.361
Mua sắm trong năm	-	2.304.553.943	-	2.304.553.943
Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính	-	12.543.853.580	-	12.543.853.580
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.559.876.654)	-	(30.559.876.654)
Tại ngày 31/03/2022	34.345.180.908	65.067.887.212	2.927.734.110	102.340.802.230
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/04/2021	11.283.078.388	53.036.876.774	2.674.873.010	66.994.828.172
Khấu hao trong năm	1.619.343.601	13.904.804.259	222.355.379	15.746.503.239
Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính	-	10.141.187.665	-	10.141.187.666
Thanh lý, nhượng bán	-	(23.590.621.280)	-	(23.590.621.280)
Tại ngày 31/03/2022	12.902.421.989	53.492.247.418	2.897.228.389	69.291.897.796
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/04/2021	23.062.102.520	27.742.479.569	252.861.100	51.057.443.189
Tại ngày 31/03/2022	21.442.758.919	11.575.639.794	30.505.721	33.048.904.434

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 21.442.758.930 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.19.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 27.715.375.486 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/04/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2022 VND
Nguyên giá	25.723.433.713	14.741.831.534	12.543.853.580	27.921.411.667
Giá trị hao mòn lũy kế	(10.359.643.357)	(9.320.904.318)	(10.141.187.666)	(9.539.360.009)
Giá trị còn lại	15.363.790.356			18.382.051.658

4.10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2021	3.203.634.763	2.101.157.221	5.304.791.984
Mua sắm trong năm	70.831.211	-	70.831.211
Tại ngày 31/03/2022	3.274.465.974	2.101.157.221	5.375.623.195
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2021	1.585.456.335	-	1.585.456.335
Khấu hao trong năm	632.569.220	-	632.569.220
Tại ngày 31/03/2022	2.218.025.555	-	2.218.025.555
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2021	1.618.178.428	2.101.157.221	3.719.335.649
Tại ngày 31/03/2022	1.056.440.419	2.101.157.221	3.157.597.640

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.344.773.454 VND.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định để phục vụ cho các dự án đang triển khai.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Quyền sử dụng đất	6.716.802.469	7.093.445.594
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.190.188.836	1.097.473.172
Khác	1.057.993.740	1.717.373.941
Cộng	8.964.985.045	9.908.292.707

Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 6.716.802.469 VND tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.19.

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Tại ngày 01/04/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	4.769.630.345	4.769.630.345	7.206.384.409	7.206.384.409
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	29.887.270.000	29.887.270.000	-	-
Cisco International Limited	11.414.112.686	11.414.112.686	3.702.181.786	3.702.181.786
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Global	8.223.605.608	8.223.605.608	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	7.050.660.800	7.050.660.800	11.150.660.800	11.150.660.800
Công ty TNHH Azbil Việt nam	3.526.690.693	3.526.690.693	11.574.954.107	11.574.954.107
Avu Pty Ltd	2.267.216.222	2.267.216.222	12.070.918.070	12.070.918.070
Các đối tượng khác	81.520.906.448	81.520.906.448	78.180.106.062	78.180.106.062
Cộng	148.660.092.802	148.660.092.802	123.885.205.234	123.885.205.234

Tại ngày 31/03/2022, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Ngân hàng TMCP Đông Á	5.040.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3.119.098.400	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	-	22.632.362.490
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	13.478.685.000
Các đối tượng khác	4.878.571.927	17.258.806.490
Cộng	<u>13.037.670.327</u>	<u>53.369.853.980</u>

Tại ngày 31/03/2022, người mua trả tiền trước ngắn hạn khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số người mua trả trước ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2022		Trong năm			Tại ngày 01/04/2021	
	VND		VND			VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phân loại lại	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	671.680.671	-	108.031.291.859	(110.398.865.261)	-	1.113.717.606	2.809.610.337
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.544.930.955	(2.544.930.955)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.290.165	824.290.165	(1.708.868.743)	109.189.279	-	799.679.464
Thuế thu nhập cá nhân	15.476.657	-	2.399.062.620	(2.484.330.016)	-	-	69.790.739
Các loại thuế khác	-	1.287.524.478	9.088.095.652	(9.088.095.652)	-	-	1.287.524.478
Cộng	687.157.328	1.311.814.643	122.873.800.207	(126.225.090.627)	109.189.279	1.113.717.606	4.966.605.018

4.16. Phải trả người lao động

Là khoản lương thường năm tài chính 2021 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

4.18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải trả khác cho bên liên quan	-	1.587.039.893
Kinh phí công đoàn	834.299.001	779.818.583
Cổ tức phải trả	2.162.996.700	2.550.243.075
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.348.189.294	1.927.173.620
Cộng	<u>4.345.484.995</u>	<u>6.844.275.171</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/04/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	369.272.058.297	369.272.058.297	745.878.642.343	723.969.123.110	347.362.539.064	347.362.539.064
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.126.863.468	8.126.863.468	13.551.790.974	12.332.380.713	6.907.453.207	6.907.453.207
Cộng	381.153.181.981	381.153.181.981	763.184.693.533	740.055.764.039	358.024.252.487	358.024.252.487
Dài hạn:						
Vay từ cá nhân là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	23.100.000.000	23.100.000.000	26.100.000.000	3.000.000.000	-	-
Vay từ cá nhân khác	12.760.000.000	12.760.000.000	13.400.000.000	640.000.000	-	-
Vay ngân hàng	14.078.474.730	14.078.474.730	-	3.754.260.216	17.832.734.946	17.832.734.946
Trừ vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)
Nợ thuê tài chính	12.549.534.050	12.549.534.050	14.741.831.534	12.332.380.713	10.140.083.229	10.140.083.229
Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả	(8.126.863.468)	(8.126.863.468)	(13.551.790.974)	(12.332.380.713)	(6.907.453.207)	(6.907.453.207)
Cộng	50.606.885.096	50.606.885.096	36.935.780.344	3.640.000.000	17.311.104.752	17.311.104.752
Tổng cộng	431.760.067.077	431.760.067.077	800.120.473.877	743.695.764.039	375.335.357.239	375.335.357.239

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 5,5%/năm đến 6%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 4.978.138.540 VND và 6.716.802.469 VND – Xem thêm mục 4.8 và mục 4.12;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND chịu lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 16.464.620.390 VND – Xem thêm mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 2 – 3 năm, chịu lãi suất 6,8%/năm đến 8,9%/năm.

Các khoản vay từ cá nhân dài hạn là các khoản vay tín chấp bằng VND chịu lãi suất từ 0%/năm đến 8,2%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND
Tại ngày 01/04/2021	2.816.898.475
Trích trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.659.860.230
Trích trong năm từ quỹ đầu tư phát triển	840.139.770
Sử dụng quỹ	(2.039.756.289)
Tại ngày 31/03/2022	<u>3.277.142.186</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/04/2020	115.000.000.000	3.640.139.770	13.459.540.846	132.099.680.616
Lãi trong năm trước	-	-	14.322.875.468	14.322.875.468
Chia cổ tức	-	-	(11.500.000.000)	(11.500.000.000)
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	400.000.000	(400.000.000)	-
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(3.200.000.000)	-	(3.200.000.000)
	115.000.000.000	840.139.770	15.082.416.314	130.922.556.084
Tại ngày 01/04/2021	115.000.000.000	840.139.770	15.082.416.314	130.922.556.084
Lãi trong năm nay	-	-	11.615.693.102	11.615.693.102
Chia cổ tức	-	-	(11.500.000.000)	(11.500.000.000)
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(840.139.770)	(1.659.860.230)	(2.500.000.000)
	115.000.000.000	-	13.538.249.186	128.538.249.186

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	96.121.070.000	96.121.070.000
Cộng	115.000.000.000	115.000.000.000

4.21.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.500.000	11.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.21.4. Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức phải trả cho cổ phiếu phổ thông	11.500.000.000	11.500.000.000

4.21.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/04/2021	840.139.770
Sử dụng để trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(840.139.770)
Tại ngày 31/03/2022	-

4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.797,49	6.273,89

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	623.419.314.763	917.803.128.753
Doanh thu cung cấp dịch vụ	198.185.543.016	224.466.591.291
Cộng	821.604.857.779	1.142.269.720.044
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	111.420.932.730	139.332.212.609

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	539.951.063.600	829.935.216.978
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	189.410.622.157	211.563.009.068
Cộng	729.361.685.757	1.041.498.226.046

5.3. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	22.868.057.199	23.659.749.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá	822.650.769	663.085.530
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	260.896.030	1.809.587.316
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	5.827.132.841
Khác	20.080.578	-
Cộng	23.971.684.576	31.959.554.695

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	4.330.782.894	3.094.479.796
Chi phí bảo hành	1.650.370.577	1.944.119.385
Chi phí pre – sales	313.043.874	643.777.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.405.171.124	1.814.776.343
Chi phí triển khai thực hiện hợp đồng	1.938.579.913	4.934.153.917
Chi phí bằng tiền khác	539.454.316	1.569.858.586
Cộng	11.177.402.698	14.001.165.164

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.884.022.299	32.082.850.845
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	2.953.142.592	2.685.632.140
Chi phí khấu hao	9.990.620.010	5.658.028.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.928.662.000	11.990.751.191
Chi phí bằng tiền khác	2.632.756.198	4.678.379.479
Cộng	<u>52.389.203.099</u>	<u>57.095.642.550</u>

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hàng hóa, nguyên liệu	539.951.063.600	829.935.216.978
Chi phí nhân công	32.214.805.193	35.177.330.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.699.976.777	28.344.159.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.998.512.965	205.270.302.297
Chi phí khác bằng tiền	8.063.933.019	13.868.024.122
Cộng	<u>792.928.291.554</u>	<u>1.112.595.033.760</u>

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	824.290.165	908.868.743
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	173.561.928
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>824.290.165</u>	<u>1.082.430.671</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	12.473.337.579	15.425.825.687
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	6.815.066.200	7.599.064.126
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.802.600.471)	(4.847.514.956)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	16.485.803.308	18.177.374.857
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.648.580.331	1.817.737.486
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm (50%) đối với doanh nghiệp Khoa Học Công Nghệ	(824.290.166)	(908.868.743)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	824.290.165	908.868.743

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ;
- Chi phí lãi vay vượt quy định;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Lợi nhuận của dự án đã được tính thuế các năm trước;
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	785.378.642.343	947.965.593.309

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(731.363.383.326)	(887.839.920.541)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Công ty con (Đã giải thể trong năm)
5. Công ty Cổ phần Công nghệ QI	Công ty liên kết
6. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	43.361.094.704	22.147.952.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	42.392.741.975	31.706.315.166
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	1.273.407.989	1.320.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	231.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	49.306.849	511.306.849
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	-	1.814.798.612
Cộng – Xem thêm mục 4.3	87.307.551.517	57.780.372.928
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.5:		
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	650.000.000	655.390.000
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	3.905.000.000	2.925.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	750.000.000	200.000.000
Cộng	5.455.000.000	3.925.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải thu về cho vay dài hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	980.000.000	1.960.000.000
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	(2.772.416.569)	(167.831.337)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	(1.997.213.776)	(749.762.464)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	-	(4.230.916.522)
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	-	(2.057.874.086)
Cộng – Xem thêm mục 4.13	(4.769.630.345)	(7.206.384.409)
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Vay dài hạn:		
Ông Lê Hồng Phong	(12.500.000.000)	-
Ông Trần Anh Tuấn	(10.600.000.000)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.19	(23.100.000.000)	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	72.242.719.066	73.019.714.741
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	17.583.330.104	28.343.243.718
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	15.108.104.838	19.470.354.844
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	6.366.778.722	14.355.724.485
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	-	4.023.174.821
Cộng – Xem thêm mục 5.1	111.420.932.730	139.332.212.609

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	14.374.929.293	20.103.155.018
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	5.448.770.615	6.923.668.899
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	713.600.000	3.862.095.749
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	267.799.874	12.724.152.152
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	-	12.976.087
Cộng	20.805.099.782	43.626.047.905

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản vay từ các bên liên quan chịu lãi suất từ 0%/năm đến 8,2%/năm, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1.109.000.000	1.114.000.000
Ông Trần Tuyên Đức	Phó chủ tịch	893.000.000	898.000.000
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó chủ tịch	676.030.000	679.880.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên HĐQT	185.000.000	600.984.545
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên HĐQT	485.000.000	490.000.000
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên HĐQT	545.000.000	697.678.800
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.118.599.143	1.043.256.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	580.042.784	447.801.686
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 21/02/2022)	477.433.513	-
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/01/2021)	-	13.813.910
Cộng		6.069.105.440	5.985.414.941

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao	231.778.400	255.696.109

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	8.126.863.468	6.907.453.207
Trên 1 năm đến 5 năm	4.422.670.582	3.232.630.022
Cộng	12.549.534.050	10.140.083.229

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán riêng (Trích):

	Tại ngày 01/04/2021 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/04/2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	371.020.565.805	390.175.571.270
Phải thu dài hạn của khách hàng	19.155.005.465	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính riêng của năm tài chính hiện hành liên quan đến khoản phải thu của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 16 tháng 06 năm 2022, Công ty đã ký kết biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu cho bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 46.672.538.195 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/03/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Ngô Lê Việt Anh
Kế toán trưởng

Khưu Kim Huế
Người lập